

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024





MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0303104343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 161/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là xây dựng, kinh doanh bất động sản (“BDS”), dịch vụ môi giới bất động sản và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 2W, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Ngọc Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2024
Ông Lương Trí Thìn	Thành viên	Miễn nhiệm vị trí Chủ tịch, trở thành thành viên từ ngày 03 tháng 07 năm 2024
Ông Bùi Ngọc Đức	Thành viên	
Ông Hà Đức Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Phạm Anh Tài	Thành viên	

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy Ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phạm Anh Tài	Chủ tịch
Ông Hà Đức Hiếu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Ngọc Đức	Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lương Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 06 năm 2024
Bà Bùi Thanh Thảo	Kế toán trưởng	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Ngọc Đức.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu

chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng ; và
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Bùi Ngọc Đức
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2024
TẠI NGÀY 30/06/2024

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 31/12/2023
A. Tài sản ngắn hạn	100		2.686.592.809.066	2.634.491.844.526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.955.338.845	6.368.772.429
1. Tiền	111		1.955.338.845	6.368.772.429
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		230.000.000	230.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	230.000.000	230.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		868.962.168.996	979.748.415.916
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	153.981.434.893	150.042.262.772
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	280.204.957.497	280.210.070.943
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	649.728.169.121	764.448.474.716
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(214.952.392.515)	(214.952.392.515)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	1.814.141.247.262	1.646.260.396.953
1. Hàng tồn kho	141		1.814.141.247.262	1.646.260.396.953
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.304.053.963	1.884.259.228
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		785.747.977	1.062.577.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		518.305.986	821.681.478

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2024
TẠI NGÀY 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 31/12/2023
B. Tài sản dài hạn	200		13.345.581.065.114	12.214.914.545.516
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.203.463.000	7.203.463.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		7.203.463.000	7.203.463.000
II. Tài sản cố định	220		9.517.754.650	11.402.177.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.643.256.094	3.390.856.636
- Nguyên giá	222		25.142.274.022	25.081.274.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.499.017.928)	(21.690.417.386)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.874.498.556	8.011.320.890
- Nguyên giá	228		17.538.932.007	17.538.932.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.664.433.451)	(9.527.611.117)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	62.372.607.371	62.969.878.316
- Nguyên giá	231		71.141.390.300	71.141.390.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.768.782.929)	(8.171.511.984)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.964.675.308	24.544.134.137
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.964.675.308	24.544.134.137
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.150.342.980.009	12.031.842.980.009
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	13.161.192.308.699	12.042.692.308.699
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.849.328.690)	(10.849.328.690)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		77.179.584.776	76.951.912.528
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	77.179.584.776	76.951.912.528
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.032.173.874.180	14.849.406.390.042

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2024
TẠI NGÀY 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 31/12/2023
C. Nợ phải trả	300		6.105.799.206.156	6.384.393.970.649
I. Nợ ngắn hạn	310		788.344.712.585	5.823.054.890.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	67.789.573.443	94.178.062.751
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	140.257.356.201	237.692.352.666
3. Phải trả người lao động	314		4.294.515.770	9.128.703.050
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	69.488.985.255	49.211.544.571
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	-	3.358.875
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	452.953.535.290	4.204.472.951.950
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	-	1.178.417.455.263
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		53.560.746.626	49.950.461.087
II. Nợ dài hạn	330		5.317.454.493.571	561.339.080.436
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	4.146.654.296.336	361.654.296.336
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	1.170.800.197.235	199.684.784.100

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2024
TẠI NGÀY 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

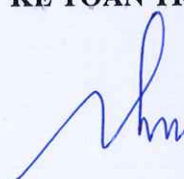
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 31/12/2023
D. Nguồn vốn chủ sở hữu	400		9.926.374.668.024	8.465.012.419.393
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		9.926.374.668.024	8.465.012.419.393
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18	7.224.509.210.000	6.117.790.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.224.509.210.000	6.117.790.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		283.159.178.806	80.398.440.806
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.500.560.000)	(2.500.560.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		107.828.707.986	104.389.042.202
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.313.378.131.232	2.164.935.476.385
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.066.336.311.925	2.051.122.156.664
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		247.041.819.307	113.813.319.721
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.032.173.874.180	14.849.406.390.042

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRƯƠNG THỊ VÂN ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

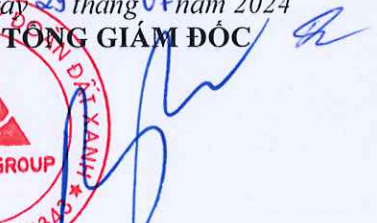


BÙI THANH THẢO



Ngày 29 tháng 07 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGỌC ĐỨC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

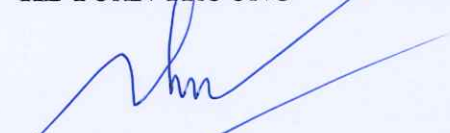
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	8.235.610.143	8.471.664.239	12.095.887.186	29.371.007.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.235.610.143	8.471.664.239	12.095.887.186	29.371.007.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.307.348.983	5.585.250.185	8.620.448.949	8.734.855.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.928.261.160	2.886.414.054	3.475.438.237	20.636.152.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	198.371.499.614	424.184.042	358.780.377.032	1.880.628.071
7. Chi phí tài chính	22	6.4	22.474.332.307	37.767.666.428	43.693.024.824	72.810.942.717
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.865.528.367	33.987.202.964	38.526.774.511	74.617.474.520
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.195.914.189	1.099.226.019	2.193.462.891	2.110.234.826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.078.817.667	26.003.440.956	30.446.773.175	46.922.737.536
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		160.550.696.611	(61.559.735.307)	285.922.554.379	(99.327.134.254)
11. Thu nhập khác	31	6.6	102.077.331	2.919.887.427	158.325.344	2.960.623.395
12. Chi phí khác	32	6.6	33.861.808.627	25.620.288.781	39.039.060.416	25.773.254.264
13. Lợi nhuận khác	40		(33.759.731.296)	(22.700.401.354)	(38.880.735.072)	(22.812.630.869)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126.790.965.315	(84.260.136.661)	247.041.819.307	(122.139.765.123)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	9.199.655.017
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		126.790.965.315	(84.260.136.661)	247.041.819.307	(131.339.420.140)

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRƯƠNG THỊ VÂN ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



BÙI THANH THẢO



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
			Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		247.041.819.307	(122.139.765.123)
2. Điều chỉnh các khoản			(317.530.241.236)	76.179.286.226
Khấu hao TSCĐ	02		2.542.693.821	2.254.614.970
Các khoản dự phòng	03		-	(289.002.563)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(358.780.377.032)	(1.527.288.021)
Chi phí lãi vay	06		38.707.441.975	75.740.961.840
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(70.488.421.929)	(45.960.478.897)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.146.850.027)	(350.123.392.833)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(167.880.850.309)	(6.651.842.924)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		167.561.121.751	365.067.556.088
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		49.157.525	1.031.177.443
Tiền lãi vay đã trả	14		(188.829.885.120)	(40.835.368.578)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(102.689.219.046)	(14.333.957.403)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.549.213.137)	(1.710.077.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(366.974.160.292)	(93.516.384.856)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.536.441.171)	(321.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.118.500.000.000)	(710.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	149.453.042.594
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		473.016.849.471	1.001.347.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(650.019.591.700)	149.423.390.191



DATXANH GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
QUÝ II NĂM 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
			Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.220.063.028.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	456.210.461.899	589.237.256.092
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(663.693.171.491)	(801.552.973.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.012.580.318.408	(212.315.717.553)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.413.433.584)	(156.408.712.218)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	6.368.772.429	159.404.955.250
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	1.955.338.845	2.996.243.032

Ngày 29 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯƠNG THỊ VÂN ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÙI THANH THẢO

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGỌC ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đất Xanh (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập do chuyển đổi từ Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Địa ốc Đất Xanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 ngày 23/11/2007 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công Ty Cổ Phần số 0303104343 ngày 28/02/2024 là 7.224.509.210.000 đồng.

Trụ sở chính được đặt tại số 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Bất động sản.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
01.	Công Ty CP Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh (“DXS”)	Kinh doanh BĐS	59,00	59,00
02.	Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh BĐS Hà An (“Hà An”)	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
03.	Công ty TNHH MTV Đất Xanh Tech	Cổng thông tin	100,00	100,00
04.	Công ty TNHH Đất Xanh Finance	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
05.	Công ty TNHH Athena Invest	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
06.	Công ty TNHH Patheon Holdings	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
07.	Công ty TNHH Đầu Tư DHG	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
08.	Công ty TNHH Đầu tư BĐS Phúc Hưng Phát	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
09.	Công Ty CP Dịch Vụ Và Địa Ốc Đất Xanh Miền Bắc (“Đất Xanh Miền Bắc”) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	37,46	63,50
10.	Công Ty Cổ Phần Regal Group (“Đất Xanh Miền Trung”) (trước đây là Công ty CP ĐX Miền Trung) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	32,45	55,00
11.	Công Ty Cổ Phần Cara Group (trước đây là Công ty CP DV và ĐT Đất Xanh Miền Tây) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	35,99	61,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
12.	Công Ty CP Công nghệ BĐS Việt Nam (TERA) ⁽¹⁾	Cổng thông tin	30,08	50,99
13.	Công ty Cổ phần Phát Triển Địa Ốc Nam Trung Bộ ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	41,89	71,00
14.	Công ty CP Đầu Tư và Dịch Vụ DXMD ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	35,99	61,00
15.	Công ty CP Công Nghệ Ihouzz ⁽¹⁾	Cổng thông tin	31,58	53,54
16.	Công ty CP DV Tài Chính BĐS Tulip ⁽¹⁾	Dịch vụ tài chính	35,40	60,00
17.	Công ty CP Bất Động Sản Linkgroup ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	47,48	80,47
18.	Công ty CP Bất Động Sản GPT (trước đây là công ty CP Đất Xanh Premium) ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	34,81	59,00
19.	Công ty Cổ Phần TipTek ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	38,29	64,90
20.	Công ty CP ĐT và DV Bất Động Sản Tây Nam ⁽¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	33,34	56,50
21.	Công Ty Cổ Phần Đất Xanh Commercial ⁽¹⁾	Tư vấn, môi giới, đầu giá BĐS	70,00	41,30
22.	Công ty Cổ phần Địa Ốc Viethomes (“Viethomes”) ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,11	51,00
23.	Công ty Cổ phần BĐS S-Homegroup (trước đây là Công ty CP Địa Ốc Vinahomes) ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	32,59	87,00
24.	Công ty Cổ Phần Bất động sản Bắc Trung Bộ ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,11	51,00
25.	Công ty Cổ phần Bất động sản Duyên Hải (“Đất Xanh Duyên Hải”) ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,11	51,00
26.	Công ty Cổ Phần DV Quản Lý Tài sản và Đầu tư Asahi Japan ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,11	51,00
27.	Công ty CP Bất Động Sản Bắc Bộ ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	19,11	51,00
28.	Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư BĐS Kinh Bắc ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	31,09	83,00
29.	Công ty Cổ Phần DV và ĐT BĐS Hùng Vương ⁽²⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	20,33	54,26
30.	Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư S-Advices ⁽²⁾	Hoạt động tư vấn quản lý	36,71	98,00
31.	Công ty TNHH Tư Vấn S-Media ⁽²⁾	Quảng cáo	37,09	99,00
32.	Công ty TNHH Nhà Ở Ngay Việt Nam ⁽²⁾	Tư vấn, môi giới, đầu giá	37,07	98,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
33.	Công ty TNHH S-O Farm ⁽²⁾	Trồng trọt, chăn nuôi	36,93	98,57
34.	Công ty TNHH Công Nghệ S-Tech ⁽²⁾	Xuất bản phần mềm	37,46	100,00
35.	Công ty CP Bất động sản Indochine ⁽²⁾	Kinh doanh BĐS	19,11	51,00
36.	Công ty CP DV Bất động sản DMH Group ⁽²⁾	Kinh doanh BĐS	28,82	76,92
37.	Công ty Cổ Phần Đô Thị Thông Minh Việt Nam ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	16,55	51,00
38.	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Nam Miền Trung (“Đất Xanh Nam Miền Trung”) ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	16,77	51,68
39.	Công ty TNHH MTV Smart City ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	32,45	100,00
40.	Công ty CP Phát Triển Bất Động Sản Emerald ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	16,55	51,00
41.	Công ty TNHH MTV Phát Triển Đô Thị Quảng Ngãi ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	32,45	100,00
42.	Công ty TNHH Phát triển Đô Thị Quảng Bình ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	32,45	100,00
43.	Công ty TNHH Regal Food ⁽³⁾	Kinh doanh lương thực và thực phẩm	32,45	100,00
44.	Công ty TNHH MTV Regal Hotel & Resort ⁽³⁾	Khách sạn	32,45	100,00
45.	Công ty TNHH Smart Property ⁽³⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	32,45	100,00
46.	Công ty TNHH Xây Dựng TM DV Hà Thuận Hùng ⁽⁴⁾ (“Hà Thuận Hùng”)	Xây dựng	100,00	100,00
47.	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn Riverside ⁽⁴⁾ (“Sài Gòn Riverside”)	Kinh doanh BĐS	75,00	75,00
48.	Công ty Cổ phần Dầu Khí Thăng Long ⁽⁴⁾ (“Thăng Long Petrol”)	Kinh doanh BĐS	99,90	100,00
49.	Công ty TNHH Charm & CI Việt Nam ⁽⁴⁾	Đầu tư KD Bất Động Sản	100,00	100,00
50.	Công ty CP Đầu Tư BĐS Tây Nam Bộ ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	100,00	100,00
51.	Công ty Cổ Phần Đầu tư Kinh doanh Bất Động sản Đông Nam Bộ ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	100,00	100,00
52.	Công ty Cổ Phần Hội An Invest (“Hội An Invest”) ⁽⁴⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
53.	Công ty CP Đầu tư Bất động sản Miền Đông ⁽⁴⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	100,00	100,00
54.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phước Sơn ⁽⁴⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
55.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Diamond Tower ⁽⁴⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
56.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Ruby Tower ⁽⁴⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
57.	Công ty Cổ phần Đầu tư Emerald Tower ⁽⁴⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
58.	Công ty Cổ phần Đầu tư Sapphire Tower ⁽⁴⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
59.	Công Ty Cổ Phần DAMC ⁽⁴⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
60.	Công ty Cổ Phần Bất Động sản Cần Thơ ⁽⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	28,07	78,00
61.	Công ty Cổ Phần Dịch vụ Bất Động Sản Nam Miền Tây ⁽⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	18,35	51,00
62.	Công ty CP Bất động sản Bắc Miền Tây ⁽⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	18,35	51,00
63.	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Bất động sản Duyên Hải Miền Tây ⁽⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	18,35	51,00
64.	Công ty CP Địa Ốc Tây Nguyên ⁽⁶⁾	Kinh doanh BĐS	21,36	51,00
65.	Công ty Cổ Phần BĐS Ecohome ⁽⁷⁾	Kinh doanh BĐS -Xây dựng	47,48	100,00
66.	Công Ty TNHH Đầu Tư Linkland ⁽⁷⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	47,48	100,00
67.	Công ty TNHH ĐT XD Ngọc Lễ ⁽⁷⁾	Xây dựng	39,07	82,29
68.	Công ty TNHH Nông Nghiệp Lifarm ⁽⁷⁾	Nông nghiệp	47,48	100,00
69.	Công ty Cổ Phần Propcom ⁽⁸⁾	Công nghệ thông tin	31,27	99,00
70.	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản LinkHouse Miền Trung ⁽⁹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	12,35	51,00
71.	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Dịch Vụ Môi Giới Ohio ⁽⁹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	24,21	100,00
72.	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản LinkHouse ⁽¹⁰⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	24,21	51,00
73.	Công Ty CP Đầu Tư Dầu Khí Nha Trang ⁽¹¹⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	99,87	99,87
74.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Đồng Nai ⁽¹¹⁾	Kinh doanh BĐS	99,99	100,00
75.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Bình Phước ⁽¹¹⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
76.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Bình Thuận ⁽¹¹⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
77.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Đồng Nai ⁽¹²⁾	Kinh doanh BĐS	99,98	100,00
78.	Công ty Cổ phần Vicco Sài Gòn (“Vicco Sài Gòn”) ⁽¹²⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	99,99
79.	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Miền Bắc (“DXI”) (trước đây là Công ty TNHH Đầu Tư BĐS Đất Xanh) ⁽¹²⁾	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
80.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư DN Premium ⁽¹³⁾	Kinh doanh BĐS	17,75	51,00
81.	Công ty CP BĐS City Invest ⁽¹⁴⁾	Kinh doanh BĐS	19,79	55,00
82.	Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Viễn Đông ⁽¹⁵⁾ ("Vidoland")	Kinh doanh BĐS	100,00	100,00
83.	Công ty TNHH Đầu Tư BĐS Hà An Land ⁽¹⁵⁾	Kinh doanh và môi giới BĐS	100,00	100,00
84.	Công ty Cổ phần dịch vụ Asahi Luxstay ⁽¹⁶⁾	Tư vấn quản lý	16,11	51,00
85.	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Việt Nhật Cares ⁽¹⁶⁾	Vệ sinh chung nhà cửa	16,11	51,00

- (1) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty DXS
- (2) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Đất Xanh Miền Bắc
- (3) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Regal Group
- (4) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Hà An
- (5) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Cara Group
- (6) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Nam Trung Bộ
- (7) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Linkgroup
- (8) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Công nghệ thông tin BĐS Việt Nam
- (9) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty LinkHouse
- (10) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Linkland
- (11) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Hà Thuận Hùng
- (12) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Hội An Invest
- (13) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Bất Động Sản GPT
- (14) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty DXMD
- (15) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Phước Sơn
- (16) Công ty mẹ sở hữu gián tiếp thông qua công ty Asahi



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại để trình bày các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán, Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

d. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là đơn vị có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự kiểm soát của Công ty (công ty mẹ). Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con.

Trường hợp Công ty tạm thời nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết tại đơn vị nhưng không dự định thực thi quyền biểu quyết do mục đích đầu tư là mua – bán công cụ vốn để kiếm lời thì không theo dõi khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty con.

Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại công ty con vẫn được ghi nhận là đầu tư vào công ty con trong các trường hợp sau:

- Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận;
- Công ty mẹ có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty mẹ có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

e. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH**
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

f. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

g. Phương pháp ghi nhận và lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính trên được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của các khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập.

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, trường hợp này kế toán theo bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, trường hợp này kế toán theo bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí.

4.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xác định các khoản nợ phải thu khó đòi có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên ba (3) năm.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, khi có những bằng chứng đáng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Thời gian khấu hao ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Phần mềm, website và tài sản vô hình khác

03 - 06 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và nhà của các căn hộ thương mại do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì đánh giá giảm nguyên giá và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

4.8. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả.

Cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản là giá trị sẽ được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi thu hồi giá trị ghi sổ của tài sản. Cơ sở tính thuế của nợ phải trả là giá trị ghi sổ của nó trừ đi giá trị sẽ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế khi thanh toán nợ phải trả trong các kỳ tương lai.

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh các khoản được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.

Thuế suất áp dụng khi tính thuế thu nhập hoãn lại là mức thuế suất có hiệu lực tại thời điểm dự kiến sẽ hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

4.9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập các Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày các Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi các Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho các Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

4.10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8%.
- Bảo hiểm tai nạn được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế và 20 lần mức lương tối thiểu vùng đối với bảo hiểm thất nghiệp.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Số dư nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

4.12. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cầu phần nợ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực tế. Phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả; cầu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Sau khi ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực tế. Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính/ vốn hóa theo phương pháp đường thẳng.

Khi đáo hạn, cầu phần vốn là giá trị quyền chọn cổ phiếu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm**4.13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay và chi phí lãi vay phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa và ghi nhận vào nguyên giá của các tài sản này.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

4.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả bao gồm:

- Dự phòng phải trả tái cơ cấu doanh nghiệp;
- Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm;
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;
- Dự phòng phải trả khác.

4.16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

4.17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo nghị quyết Đại hội cổ đông dựa trên lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành, Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu;
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

4.19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không bao gồm các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo;

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

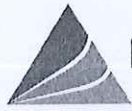
4.20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư;
- Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ;
- Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động;
- Chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư.

4.21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

4.22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

4.24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ, Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay ngân hàng.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt	115.410.035	296.426.557
Tiền gửi ngân hàng	1.839.928.810	6.072.345.872
TỔNG CỘNG	1.955.338.845	6.368.772.429

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng.

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	230.000.000	230.000.000
TỔNG CỘNG	230.000.000	230.000.000

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu khách hàng mua căn hộ	110.557.438.974	105.511.741.257
Phải thu khách hàng khác	43.423.995.919	44.530.521.515
TỔNG CỘNG	153.981.434.893	150.042.262.772
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(38.463.114.371)	(38.463.114.371)
Giá trị thuần	115.518.320.522	111.579.148.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tổng Công ty Xây Dựng Thủy Lợi 4	91.490.048.921	91.490.048.921
Công ty CP Tập Đoàn và TM Thăng Long	47.385.634.545	47.385.634.545
Công Ty TNHH Đầu Tư & PT Du Lịch Khang Hưng	126.000.000.000	126.000.000.000
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp khác	15.329.274.031	15.334.387.477
TỔNG CỘNG	280.204.957.497	280.210.070.943
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(92.330.063.921)	(92.330.063.921)
Giá trị thuần	187.874.893.576	187.880.007.022

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ký cược, ký quỹ	39.952.714.273	39.533.324.823
Tạm ứng đầu tư	71.980.914.000	71.980.914.000
Tạm ứng nhân viên	9.225.228.868	8.644.669.268
Góp vốn hợp tác kinh doanh	135.646.377.826	136.646.377.826
Phải thu lãi vay	334.872.189	334.872.189
Phải thu cổ tức	-	114.238.992.439
Phải thu tiền đặt cọc	387.964.800.000	387.964.800.000
Các khoản khác	4.623.261.965	5.104.524.171
TỔNG CỘNG	649.728.169.121	764.448.474.716
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(84.159.214.223)	(84.159.214.223)
Giá trị thuần	565.568.954.898	680.289.260.493

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.6. Hàng tồn kho

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bất động sản dở dang	1.768.147.096.605	1.596.195.029.930
Bất động sản thành phẩm	45.184.307.683	49.219.524.049
Hàng hóa	262.030.159	262.030.159
Công cụ dụng cụ	547.812.815	583.812.815
TỔNG CỘNG	1.814.141.247.262	1.646.260.396.953
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	1.814.141.247.262	1.646.260.396.953

5.7. Tăng, Giảm tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	13.640.924.625	10.474.855.177	965.494.220	25.081.274.022
Tăng trong kỳ	-	61.000.000	-	61.000.000
Số dư cuối năm	13.640.924.625	10.535.855.177	965.494.220	25.142.274.022
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số dư đầu năm	(10.811.680.497)	(9.957.727.514)	(921.009.375)	(21.690.417.386)
Khấu hao trong kỳ	(570.388.443)	(217.823.214)	(20.388.885)	(808.600.542)
Số dư cuối năm	(11.382.068.940)	(10.175.550.728)	(941.398.260)	(22.499.017.928)
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.829.244.128	517.127.663	44.484.845	3.390.856.636
Số dư cuối năm	2.258.855.685	360.304.449	24.095.960	2.643.256.094



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.8. Tăng, Giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	Trang web	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	16.165.031.402	1.063.166.005	310.734.600	17.538.932.007
Số dư cuối năm	16.165.031.402	1.063.166.005	310.734.600	17.538.932.007
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	(8.244.835.514)	(972.041.003)	(310.734.600)	(9.527.611.117)
Khấu hao trong kỳ	(1.092.572.333)	(44.250.001)	-	(1.136.822.334)
Số dư cuối năm	(9.337.407.847)	(1.016.291.004)	(310.734.600)	(10.664.433.451)
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	7.920.195.888	91.125.002	-	8.011.320.890
Số dư cuối năm	6.827.623.555	46.875.001	-	6.874.498.556

5.9. Bất động sản đầu tư

Nhà cửa vật kiến trúc

Nguyên giá:	
Số dư đầu kỳ	71.141.390.300
Số dư cuối kỳ	71.141.390.300
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số dư đầu kỳ	(8.171.511.984)
Khấu hao trong kỳ	(597.270.945)
Số dư cuối kỳ	(8.768.782.929)
Giá trị còn lại:	
Đầu kỳ	62.969.878.316
Cuối kỳ	62.372.607.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.10. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Ngày 30/06/2024		Ngày 31/12/2023	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
Công ty CP Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh	Đang hoạt động	55,37	2.000.603.604.073	55,85	2.000.603.604.073
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh BĐS Hà An	Đang hoạt động	99,99	10.095.488.704.626	99,99	8.976.988.704.626
Công ty TNHH MTV Đất Xanh Tech	Đang làm thủ tục giải thể	100	10.620.000.000	100	10.620.000.000
Công ty TNHH Athena Invest	Đang hoạt động	100	1.130.000.000	100	1.130.000.000
Công ty TNHH Patheon Holdings	Đang hoạt động	100	800.000.000	100	800.000.000
Công ty TNHH Đất Xanh Finance	Đang làm thủ tục giải thể	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư DHG	Đang hoạt động	85	297.500.000.000	85	297.500.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư BĐS Phúc Hưng Phát	Đang hoạt động	100	755.000.000.000	100	755.000.000.000
TỔNG CỘNG			13.161.192.308.699		12.042.692.308.699

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Dài hạn		
Chi phí hoa hồng, môi giới, nhà mướn các dự án	75.837.011.101	75.363.011.101
Công cụ dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	1.342.573.675	1.588.901.427
TỔNG CỘNG	77.179.584.776	76.951.912.528

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công ty CP XD và Trang Trí Nội Thất Việt Nhật	1.875.716.413	3.275.716.413
Công ty TNHH XD và Xây lắp Điện Thế Minh	54.243.632	54.243.632
Công ty TNHH Xây Dựng Vững Bền	7.613.783.975	7.613.783.975
Công ty Cổ phần Vicco - Sài Gòn	-	9.310.421.958
Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Hưng Long Phát	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Ihouzz	-	6.724.860.861
Công ty TNHH Xây Dựng Bình Định	14.664.909.374	14.664.909.374
Công ty CP Xây Dựng Phước Thành	1.801.989.684	1.801.989.684
Công ty CP Xây Lắp và Vật tư Xây Dựng	4.868.891.465	9.353.579.030
Khác	30.410.038.900	34.878.557.824
TỔNG CỘNG	67.789.573.443	94.178.062.751

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>
Thuế GTGT	33.055.488.088	-	144.703.403	32.910.784.685
Thuế TNDN	161.761.696.699	-	102.689.219.046	59.072.477.653
Thuế TNCN	3.765.661.037	3.190.775.741	6.076.134.019	880.302.759
Khác	39.109.506.842	8.638.232.208	353.947.946	47.393.791.104
TỔNG CỘNG	237.692.352.666	11.829.007.949	109.264.004.414	140.257.356.201

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Chi phí trích trước để hoàn thành các dự án	42.741.114.151	27.431.913.495
Chi phí trích trước về lãi vay	826.725.117	11.248.964.541
Chi phí trích trước khác	25.921.145.987	10.530.666.535
TỔNG CỘNG	69.488.985.255	49.211.544.571

5.15. Doanh thu chưa thực hiện

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Doanh thu phí quản lý, cho thuê căn hộ	-	3.358.875
TỔNG CỘNG	-	3.358.875
Trong đó:		
<i>Ngắn hạn</i>	-	3.358.875

5.16. Phải trả khác

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải trả ngắn hạn khác	452.953.535.290	4.204.472.951.950
Phải trả cổ tức	80.034.700	80.034.700
Phải trả các khoản đầu tư	406.551.337	406.551.337
Nhận đặt cọc mua sản phẩm các dự án	625.387.336	625.387.336
Thu hộ phí bảo trì các dự án	12.799.546.163	12.878.622.263
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.848.241.494	3.213.548.241.494
Thu hộ tiền cho chủ đầu tư dự án	5.507.404.363	5.507.404.363
Nhận vốn góp từ HĐHTKD	7.366.596.913	7.366.596.913
Thu hộ khác	387.964.800.000	387.964.800.000
Các khoản khác	29.354.972.984	576.095.313.544
Phải trả dài hạn khác	4.146.654.296.336	361.654.296.336
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.806.477.389.000	1.477.389.000
Nhận vốn góp từ HĐHTKD	340.176.907.336	360.176.907.336
TỔNG CỘNG	4.599.607.831.626	4.566.127.248.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	-	1.178.417.455.263
<i>Trái phiếu</i>	-	47.898.400.722
<i>Vay tổ chức, cá nhân khác</i>	-	1.130.519.054.541
Dài hạn	1.170.800.197.235	199.684.784.100
<i>Vay ngân hàng (Thuyết minh 5.17.1)</i>	456.210.461.899	-
<i>Trái phiếu (Thuyết minh 5.17.2)</i>	199.763.852.286	199.684.784.100
<i>Vay tổ chức, cá nhân khác (Thuyết minh 5.17.3)</i>	514.825.883.050	-
TỔNG CỘNG	1.170.800.197.235	1.378.102.239.363

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Số đầu kỳ	1.378.102.239.363	1.927.836.741.132
Vay	486.330.286.591	984.324.755.944
Trả nợ gốc vay	(693.812.996.183)	(1.403.955.119.393)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	180.667.464	1.123.487.320
Số cuối kỳ	1.170.800.197.235	1.509.329.865.003

Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2024 bao gồm các hợp đồng sau:

5.17.1 Vay dài hạn ngân hàng:

Ngân hàng	Giá trị	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng thương mại CP Quân Đội	456.210.461.899	Ngày 10 tháng 4 năm 2026 đến ngày 10 tháng 5 năm 2030	Phát triển dự án	Thế chấp
TỔNG CỘNG	456.210.461.899			



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.17.2 Trái phiếu dài hạn:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Công Thương Việt Nam				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	200.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp
Chi phí phát hành trái phiếu	(632.545.455)			
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	396.397.741			
Tổng cộng	199.763.852.286			

5.17.3 Vay dài hạn tổ chức, cá nhân khác:

<i>Tổ chức, cá nhân</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hà An	514.825.883.050	Ngày 1 tháng 8 năm 2025	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Tổng cộng	514.825.883.050			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5.18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Đơn vị tính: VND Tổng cộng</i>
<i>Cho kỳ kế toán kết thúc 30.06.2023</i>						
Đầu kỳ	6.117.790.020.000	80.398.440.806	(2.500.560.000)	100.091.658.398	2.061.865.616.174	8.357.645.175.378
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	(131.339.420.140)	(131.339.420.140)
Cuối kỳ	6.117.790.020.000	80.398.440.806	(2.500.560.000)	104.389.042.202	1.930.526.196.034	8.226.305.755.238
<i>Cho kỳ kế toán kết thúc 30.06.2024</i>						
Đầu kỳ	6.117.790.020.000	80.398.440.806	(2.500.560.000)	104.389.042.202	2.164.935.476.385	8.465.012.419.393
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	1.016.719.190.000	203.343.838.000	-	-	-	1.220.063.028.000
Cổ phiếu ESOP cho nhân viên	90.000.000.000	-	-	-	(90.000.000.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(583.100.000)	-	-	-	(583.100.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.439.665.784	(3.439.665.784)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.159.498.676)	(5.159.498.676)
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	247.041.819.307	247.041.819.307
Cuối kỳ	7.224.509.210.000	283.159.178.806	(2.500.560.000)	107.828.707.986	2.313.378.131.232	9.926.374.668.024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023</i>
<i>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</i>		
Số dư đầu kỳ	6.117.790.020.000	6.117.790.020.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	1.016.719.190.000	-
Cổ phiếu ESOP cho nhân viên	90.000.000.000	-
Số dư cuối kỳ	7.224.509.210.000	6.117.790.020.000

c. Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	722.450.921	611.779.002
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	722.450.921	611.779.002
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.747.486)	(1.747.486)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	720.703.435	610.031.516
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Quỹ đầu tư phát triển	107.828.707.986	104.389.042.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Quý II năm 2024</i>	<i>Quý II năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Tổng doanh thu	8.235.610.143	8.471.664.239	12.095.887.186	29.371.007.770
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu thành phẩm BĐS	4.987.682.957	2.448.342.238	4.987.682.957	2.448.342.238
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý, cho thuê	2.228.181.818	5.036.261.229	5.083.672.964	24.948.543.988
Doanh thu từ BĐS đầu tư	1.019.745.368	987.060.772	2.024.531.265	1.974.121.544
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Hàng bán trả lại	-	-	-	-
DOANH THU THUẦN	8.235.610.143	8.471.664.239	12.095.887.186	29.371.007.770

6.2. Giá vốn hàng bán

	<i>Quý II năm 2024</i>	<i>Quý II năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Giá vốn thành phẩm bất động sản	4.035.216.366	1.613.737.521	4.035.216.366	1.613.737.521
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý, cho thuê	1.942.214.848	3.667.136.026	3.973.603.335	6.469.078.443
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	329.917.769	304.376.638	611.629.248	652.039.052
TỔNG CỘNG	6.307.348.983	5.585.250.185	8.620.448.949	8.734.855.016

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Quý II năm 2024</i>	<i>Quý II năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	1.795.214	70.843.992	2.010.938.672	1.527.288.021
Cổ tức lợi nhuận được chia	198.369.704.400	-	356.769.438.360	-
Thu nhập tài chính khác	-	353.340.050	-	353.340.050
TỔNG CỘNG	198.371.499.614	424.184.042	358.780.377.032	1.880.628.071

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH**
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

6.4. Chi phí tài chính

	<i>Quý II năm 2024</i>	<i>Quý II năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	17.865.528.367	33.987.202.964	38.526.774.511	74.617.474.520
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	80.173.803	99.243.660	180.667.464	1.123.487.320
Dự phòng đầu tư tài chính	-	1.410.800.000	-	(5.289.002.563)
Chi phí tài chính khác	4.528.630.137	2.270.419.804	4.985.582.849	2.358.983.440
TỔNG CỘNG	22.474.332.307	37.767.666.428	43.693.024.824	72.810.942.717

6.5. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	<i>Quý II năm 2024</i>	<i>Quý II năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Chi phí bán hàng	1.195.914.189	1.099.226.019	2.193.462.891	2.110.234.826
Chi phí lương	1.175.914.189	1.005.787.442	2.153.462.892	1.996.796.250
Chi phí môi giới	-	73.438.577	-	73.438.577
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.000.000	20.000.000	39.999.999	39.999.999
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.078.817.667	26.003.440.956	30.446.773.175	46.922.737.536
Chi phí nhân viên quản lý	11.811.554.287	15.040.184.258	23.079.741.114	32.383.060.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.798.964.285	3.522.669.407	2.780.220.730	4.915.995.594
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	1.748.188.530	1.248.188.181	3.287.068.661	2.506.092.083
Chi phí dự phòng	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Chi phí bằng tiền khác	720.110.565	1.192.399.110	1.299.742.670	2.117.589.849
TỔNG CỘNG	17.274.731.856	27.102.666.975	32.640.236.066	49.032.972.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

6.6. Thu nhập và chi phí khác

	<i>Quý II năm 2024</i>	<i>Quý II năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Thu nhập khác	102.077.331	2.919.887.427	158.325.344	2.960.623.395
Tiền phạt thu được	-	2.669.629.943	-	2.669.629.943
Các khoản khác	102.077.331	250.257.484	158.325.344	290.993.452
Chi phí khác	33.861.808.627	25.620.288.781	39.039.060.416	25.773.254.264
Chi phí phạt thanh lý hợp đồng	14.965.479.452	14.985.780.000	14.965.479.452	14.985.780.000
Chi phí phạt chậm nộp thuế	3.219.253.436	10.634.508.781	8.276.193.391	10.634.508.781
Các khoản khác	15.677.075.739	-	15.797.387.573	152.965.483
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(33.759.731.296)	(22.700.401.354)	(38.880.735.072)	(22.812.630.869)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay trong kỳ

	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	456.210.461.899	589.237.256.092
Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
Tổng cộng	456.210.461.899	589.237.256.092

7.2. Số tiền đã trả gốc vay trong kỳ

	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	615.693.171.491	431.552.973.645
Trả nợ gốc trái phiếu	48.000.000.000	370.000.000.000
Tổng cộng	663.693.171.491	801.552.973.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1. Thông tin về các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ này và kỳ trước Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Lũy kế 2024</i>	<i>Lũy kế 2023</i>
Regal Group	Công ty con	Phân chia doanh thu hợp tác	-	13.901.106.227
		Thu hồi phải thu	-	62.275.465.896
Vicco Sài Gòn	Công ty con	Tiền thuê văn phòng	1.283.035.140	1.283.035.140
		Trả tiền thuê văn phòng	10.721.760.612	-
Hội An Invest	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần Sài Gòn Riverview	-	166.496.340.000
		Nhận tiền chuyển nhượng cổ phần	-	149.453.042.594
		Hoàn trả khoản vay	-	198.202.442.694
		Phí phạt	-	14.985.780.000
		Trả tiền phí phạt	14.985.780.000	-
		Lãi vay	-	3.493.775.261
		Trả tiền lãi vay	77.518.422.226	-
Dầu Khí Nha Trang	Công ty con	Thu tiền gốc cho vay	-	2.268.934.820
		Thu tiền lãi cho vay	-	681.065.180
		Lãi cho vay	-	41.142.481
Sài Gòn Riverside	Công ty con	Hoàn tiền HTĐT	-	30.000.000.000
Hà An	Công ty con	Góp vốn	1.118.500.000.000	-
		Cần trừ công nợ	168.174.471.054	47.000.000.000
		Hoàn trả khoản vay	390.860.000.000	416.374.645.896
		Doanh thu bán thành phẩm BĐS	4.987.682.957	-
		Doanh thu cho thuê BĐS	4.074.545.454	7.405.278.590
		Thu tiền dịch vụ	5.969.032.257	56.590.637.184
		Phải thu tiền cổ tức	356.769.438.360	-
		Thu tiền cổ tức	471.005.910.799	-
		Thu tiền ký quỹ	454.765.000.000	-
		Thanh toán lãi vay	91.090.020.584	349.041.096
		Thu tiền lãi cho vay	-	349.041.096
		Lãi vay	19.588.602.363	38.266.664.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Lũy kế 2024</i>	<i>Lũy kế 2023</i>
Phước Sơn	Công ty con	Trả lãi vay	64.800.000.000	-
		Hoàn trả khoản phải trả khác	150.750.000.000	-
Đất Xanh Tech	Công ty con	Góp vốn	-	470.000.000
Athena Invest	Công ty con	Góp vốn	-	120.000.000
Patheon Holdings	Công ty con	Góp vốn	-	120.000.000
Công nghệ Ihouzz	Công ty con	Phí cung cấp phần mềm	831.148.431	3.257.034.000
		Trả tiền phí phần mềm	7.556.009.292	-
		Phải trả khác	10.000.000.000	-
Tulip	Công ty con	Phí cung cấp phần mềm và DV	-	31.147.086
		Trả tiền phí phần mềm	-	321.000.000
Địa ốc Nam Trung Bộ	Công ty con	Hoàn tiền HTĐT	1.000.000.000	1.000.000.000
BDS Đồng Nai	Công ty con	Hoàn trả khoản phải trả khác	165.825.000.000	-

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc như sau:

	<i>Lũy kế năm 2024</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>
Tổng Giám Đốc	2.044.776.060	1.448.683.716
Các thành viên quản lý khác	3.380.154.191	6.083.994.869
Tổng cộng	5.424.930.251	7.532.678.585

8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯƠNG THỊ VÂN ANH

KÊ TOÁN TRƯỞNG

BÙI THANH THẢO

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI NGỌC ĐỨC

